

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển  
nguồn ngân sách nhà nước năm 2015, tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 26/6/2015; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND-KTNS ngày 09/7/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015, như sau:

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2015 là: **1.996 tỷ 300 triệu đồng**, bao gồm:

- |                                                                               |                             |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>1. Vốn xây dựng cơ bản tập trung:</b>                                      | <b>1.792.903 triệu đồng</b> |
| a) Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đầu năm: 1.097.500 triệu đồng; |                             |
| b) Điều chỉnh tăng so với đầu năm:                                            | 695.403 triệu đồng;         |
| Cụ thể:                                                                       |                             |
| b.1. Vốn đầu tư trong cân đối tăng:                                           | 258.931 triệu đồng;         |
| - Tiền bán cao su (dự án đường Lộc Tấn - Bù Đốp):                             | 249.755 triệu đồng;         |
| - Thu hồi tiền giải tỏa đền bù Quốc lộ 14 để hỗ trợ các dự án BT, BOT:        | 9.176 triệu đồng.           |
| b.2. Tăng thu tiền sử dụng đất:                                               | 222.220 triệu đồng;         |

b.3. Tăng từ nguồn xổ số kiến thiết:	66.160 triệu đồng;
- Nguồn tăng thu năm 2014:	53.900 triệu đồng;
- Tăng thu năm 2015 so với đầu năm:	5.000 triệu đồng;
- Kết dư năm 2014 chuyển sang:	7.260 triệu đồng.

b.4. Tăng nguồn hỗ trợ theo mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 67.040 triệu đồng.

- Kết dư năm 2014 chuyển sang:	7.040 triệu đồng;
- Tăng nguồn bổ sung cho các chương trình:	60.000 triệu đồng.

(Bao gồm: Bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương: 30.000 triệu đồng, ổn định dân di cư tự do cấp bách: 15.000 triệu đồng, hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ đông xuân năm 2014 - 2015: 11.000 triệu đồng, thực hiện theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ: 4.000 triệu đồng).

b.5. Tăng từ nguồn vay Chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và làng nghề ở nông thôn: 81.052 triệu đồng, trong đó:

- Vay trong năm 2015:	80.000 triệu đồng;
- Kết dư năm 2014 chuyển sang:	1.052 triệu đồng.

c) Vốn nước ngoài (ODA): 18.000 triệu đồng.

**2. Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 93.813 triệu đồng.**

**3. Vốn trái phiếu Chính phủ: 109.584 triệu đồng.**

*(Kèm theo biểu chi tiết nguồn vốn)*

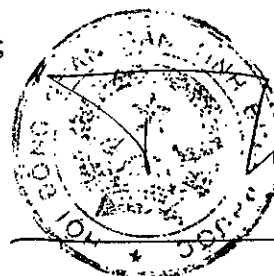
**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2015 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

*Nơi nhận:* 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT.HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Tấn Hưng**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015**  
(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH NĂM 2015			GHI CHÚ
		TW giao	Nghị quyết HĐND tính giao đầu năm	Điều chỉnh giữa năm	
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.218.197</b>	<b>1.191.313</b>	<b>1.996.300</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN XDCB TẬP TRUNG</b>	<b>1.014.800</b>	<b>1.097.500</b>	<b>1.792.903</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>996.800</b>	<b>1.079.500</b>	<b>1.774.903</b>	
1.1	Vốn đầu tư trong cân đối	271.500	271.500	530.431	
a	Vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí	270.500	270.500	270.500	
b	Hỗ trợ doanh nghiệp công ích	1.000	1.000	1.000	
c	Dự án đường Lộc Tấn - Bù Đốp (BT)			249.755	
d	Hỗ trợ các dự án BOT, BT			9.176	
1,2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	250.000	192.000	414.220	
1,3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0	265.700	331.860	
a	Giao đầu năm		265.700	270.700	
b	Vượt thu năm 2014			53.900	
c	Kết dư vốn năm 2014 chuyển sang			7.260	
1,4	Hỗ trợ theo mục tiêu từ ngân sách Trung ương	395.300	350.300	417.340	
a	Giao đầu năm	350.300	350.300	350.300	
b	Kết dư vốn năm 2014 chuyển sang 2015			7.040	
c	Hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2014	30.000		30.000	
d	Bổ sung thực hiện chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ	4.000		4.000	
e	Hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông - Xuân năm 2014-2015	11.000		11.000	
g	Vốn ổn định dân di cư tự do cấp bách	15.000		15.000	
1,5	Vay Chương trình kiên cố hóa kênh mương, cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn	80.000	0	81.052	
a	Giao đầu năm	80.000		80.000	
b	Kết dư vốn năm 2014 chuyển sang 2015			1.052	
<b>2</b>	<b>Vốn nước ngoài (ODA)</b>	<b>18.000</b>	<b>18.000</b>	<b>18.000</b>	
<b>II</b>	<b>VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>	<b>93.813</b>	<b>93.813</b>	<b>93.813</b>	
	Trong đó : Vốn đầu tư phát triển	41.300	41.300	41.300	
<b>III</b>	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>	<b>109.584</b>	<b>0</b>	<b>109.584</b>	
1	Thủy lợi	51.584		51.584	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	53.000		53.000	
3	Đối ứng vốn ODA	5.000		5.000	



**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN XDCB TẬP TRUNG NĂM 2015**  
 (Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC	Đã ghi kế hoạch vốn đến năm 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015							GHI CHÚ
			TỔNG CỘNG	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn vay Chương trình KCH kênh mương, CSHT, GTNT	Vốn hỗ trợ theo mục tiêu NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	1.097.500	1.792.903	530.431	414.220	331.860	81.052	417.340	18.000	
<b>A</b>	<b>VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>	831.000	1.403.183	380.931	174.000	331.860	81.052	417.340	18.000	
<b>A1</b>	<b>HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CÔNG ÍCH</b>	1.000	1.000	1.000						
<b>A2</b>	<b>TRÁ NỢ VAY</b>	100.000	100.000	100.000						
I	Vay Chương trình KCH kênh mương, GTNT	100.000	100.000	100.000						
<b>A3</b>	<b>VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	22.875	22.875	7.375		15.500				
<b>A4</b>	<b>VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	707.125	1.279.308	272.556	174.000	316.360	81.052	417.340	18.000	
I	<b>NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN</b>	68.625	93.837	1.625	60.000	12.412	19.800	-	-	
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>	68.625	93.837	1.625	60.000	12.412	19.800	-	-	
1	Xây dựng Nông thôn mới	60.000	60.000		60.000					Phân cấp cho 20 xã điểm NT mới ( có chi tiết kèm theo)
2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013	5.000	5.000			5.000				Phân bổ sau theo dự án của DN được UBND tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư

3	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước ( Vốn đối ứng với NSTW )	2.000	2.000			2.000			Sở NN và PTNT
4	Kênh tiêu thoát nước suối Cầu Trắng, phường Phú Đức, thị xã Bình Long (giai đoạn 1 và 2)		5.700			5.700			UBND thị xã Bình Long
5	Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài		10.000			10.000			Sở NN và PTNT
6	Hồ chứa nước Sơn Lợi		4.100			4.100			Sở NN và PTNT
7	Thanh toán kinh phí mua xi măng các công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		5.412			5.412			
a	Thị xã Đồng Xoài		205			205			UBND thị xã Đồng Xoài
b	Thị xã Bình Long		1.208			1.208			UBND thị xã Bình Long
c	Huyện Bù Đăng		860			860			UBND huyện Bù Đăng
d	Huyện Lộc Ninh		1.225			1.225			UBND huyện Lộc Ninh
e	Huyện Bù Đốp		500			500			UBND huyện Bù Đốp
g	Huyện Chơn Thành		514			514			UBND huyện Chơn Thành
h	Huyện Hớn Quản		900			900			UBND huyện Hớn Quản
8	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng		1.625	1.625					
a	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Hạt kiểm lâm thị xã Phước Long	48	48	48					Hạt KL thị xã Phước Long
b	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng	85	85	85					Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng
c	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	462	462	462					Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long
d	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé	30	30	30					Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé
e	Dự án trồng rừng bán ngập vùng lòng hồ thủy điện Cần Đơn	1.000	1.000	1.000					Hạt KL huyện Bù Đốp

II	<b>GIAO THÔNG - VẬN TẢI</b>	<b>37.900</b>	<b>358.083</b>	<b>260.931</b>	<b>15.000</b>	<b>20.900</b>	<b>61.252</b>	-	-
	<b>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</b>	<b>31.000</b>	<b>348.593</b>	<b>258.341</b>	<b>15.000</b>	<b>14.000</b>	<b>61.252</b>	-	-
1	Đường vào trung tâm xã Tân Hòa - huyện Đồng Phú	7.000	7.000		7.000				Sở GT-VT
2	Đường vào trung tâm xã Tân Lợi - huyện Đồng Phú	8.000	8.000		8.000				UBND huyện Đồng Phú
3	Đường vào trung tâm xã Thanh An huyện Hớn Quản (Vốn đối ứng với NSTW)	9.000	9.000			9.000			UBND huyện Hớn Quản
4	XD đường và kênh thoát nước tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017 (Vốn đối ứng với NSTW)	5.000	5.000			5.000			Ban QL khu kinh tế
5	Đường Lê Quý Đôn thị xã Đồng Xoài	2.000	2.000	2.000					UBND thị xã Đồng Xoài
6	Xây dựng cầu Đak Lung 2		20.000				20.000		Sở GT-VT
7	Đường vào xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập		12.000				12.000		Sở GT-VT
8	Đường vào xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp		6.400				6.400		Sở GT-VT
9	Đường vào xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh		3.300				3.300		Sở GT-VT
10	Nâng cấp, mở rộng ĐT759 đoạn từ Trung tâm xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp		19.552				19.552		Sở GT-VT
11	Đền bù GPMB cho dự án BOT QL14 đoạn cầu 38 - Đồng Xoài		3.500	3.500					Sở GT-VT
12	Đền bù GPMB cho dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ		2.086	2.086					Sở GT-VT
13	Đền bù GPMB cho dự án BOT QL13 đoạn An Lộc- Chiu Riu		1.000	1.000					Sở GT-VT
14	Dự án BT đường Lộc Tấn - Bù Đốp		247.902	247.902					Sở GT-VT
15	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình sau thi công dự án BT đường Lộc Tấn - Bù Đốp		1.853	1.853					Sở GT-VT
	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>6.900</b>	<b>9.490</b>	<b>2.590</b>	<b>0</b>	<b>6.900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Đường cấp lỏi mở Lộc Tấn - Tuần Lung	1.900	1.900			1.900			Sở Công thương
2	Đường tránh các điểm đen trên ĐT 741 tại khu vực Nhà máy thủy điện Thác Mơ	5.000	5.000			5.000			Sở GT-VT

1/01/2014

3	Dự án hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương, thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua, huyện Lộc Ninh		2.590	2.590				Sở GT-VT
<b>III</b>	<b>HA TÀNG ĐÔ THỊ</b>	<b>10.000</b>	<b>15.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.200</b>		
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>10.000</i>		
1	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh ( đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	10.000	10.000			10.000		Sở Xây dựng
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>-</i>	<i>5.200</i>			<i>5.200</i>		
1	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực ấp Bàu Ké - thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú		2.200			2.200		UBND huyện Đồng Phú
2	Làng nhựa đường Đoàn thị Điểm nối dài, thị xã Bình Long		3.000			3.000		UBND thị xã Bình Long
<b>IV</b>	<b>Y TẾ</b>	<b>47.000</b>	<b>53.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>53.000</b>		
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>	<i>44.000</i>	<i>44.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>44.000</i>		
1	Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh (Vốn đối ứng với NSTW)	4.000	4.000			4000		Trung tâm phòng chống sốt rét
2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập ( Vốn đối ứng với NSTW)	4.000	4.000			4000		UBND huyện Bù Gia Mập
3	Trung tâm y tế huyện Hớn Quản ( Vốn đối ứng với NSTW)	5.000	5.000			5000		UBND huyện Hớn Quản
4	Trung tâm y tế thị xã Đồng Xoài ( Vốn đối ứng với NSTW )	4.000	4.000			4000		UBND thị xã Đồng Xoài
5	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (Vốn đối ứng với NSTW)	7.000	7.000			7.000		Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh
6	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản	20.000	20.000			20.000		UBND huyện Hớn Quản
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>3.000</i>	<i>9.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>9.000</i>		
1	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC, cải tạo mái tôn khoa lão, khoa dược , khoa cán bộ cao cấp; sơn tường, chống thấm sê nô, hàng lang, cầu nổi - Bệnh viện ĐK tỉnh	3.000	3.000			3.000		Bệnh viện đa khoa tỉnh
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Bù Gia Mập (GD 2)		6.000			6.000		UBND huyện Bù Gia Mập
<b>V</b>	<b>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>	<b>95.000</b>	<b>106.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>106.300</b>		

	<b>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</b>	<b>20.000</b>	<b>25.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25.300</b>			
1	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long	5.000	5.000			5.000			UBND thị xã Bình Long
2	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	10.000	10.000			10.000			Sở GD - ĐT
3	Trường mầm non xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	2.500	2.500			2.500			UBND huyện Hớn Quản
4	Trường PTDT nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập		5.300			5.300			Sở GD - ĐT
5	Trường MN Tân Khai B, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	2.500	2.500			2.500			UBND huyện Hớn Quản
	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>75.000</b>	<b>81.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>81.000</b>			
1	Xây dựng Trường THPT Đa Kia huyện Bù Gia Mập	10.000	10.000			10.000			Sở GD - ĐT
2	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	3.000	3.000			3.000			Sở GD - ĐT
3	Hỗ trợ xây dựng trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	12.000	12.000			12.000			UBND huyện Lộc Ninh
4	Hỗ trợ xây dựng trường Mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Bù Đăng
5	Hỗ trợ xây dựng trường Mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	9.000	9.000			9.000			UBND huyện Đồng Phú
6	Hỗ trợ xây dựng trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	6.000	6.000			6.000			UBND huyện Chơn Thành
7	Hỗ trợ xây dựng trường mầm non An Khương, xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Hớn Quản
8	Xây dựng khối nhà học trường chính trị tỉnh	5.000	5.000			5.000			Trường Chính trị tỉnh
9	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	4.000	4.000			4.000			Sở GD - ĐT
10	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	5.000	5.000			5.000			Sở GD - ĐT
12	Trường mầm non Tiên Hưng - thị xã Đồng Xoài		6.000			6.000			UBND thị xã Đồng Xoài
13	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	8.000	8.000			8.000			Sở GD - ĐT
<b>VI</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>	<b>17.600</b>	<b>17.600</b>			<b>17.600</b>			



	<b>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>			<b>4.000</b>			
1	XD khu thực nghiệm và TTB phục vụ nghiên cứu phát triển KHCN sinh học - TT ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh	300	300			300			Sở KH-CN
2	Bổ sung hệ thống giao ban điện tử trực tuyến tỉnh	1.300	1.300			1.300			Sở TT-TT
3	Đầu tư TTB nâng cao năng lực quản lý về trồng trọt và bảo vệ thực vật	500	500			500			Sở KH-CN
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khoa học, công nghệ tỉnh	1.900	1.900			1.900			Sở KH-CN
	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>13.600</b>	<b>13.600</b>			<b>13.600</b>			
1	Dự án một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã	4.500	4.500			4.500			Văn phòng UBND tỉnh
2	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học về dược phẩm và mỹ phẩm	5.000	5.000			5.000			Sở KH-CN
3	Thiết bị ứng dụng năng lượng tái tạo cho nông dân tại ấp Papech, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	1.700	1.700			1.700			Sở KH-CN
4	Vườn nhân chồi và vườn ươm giống cây điều, cà phê năng suất cao	2.400	2.400			2.400			Sở KH-CN
<b>VII</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>	<b>31.700</b>	<b>63.948</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>63.948</b>			
	<b>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</b>	<b>28.000</b>	<b>44.848</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>44.848</b>			
1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin tỉnh	28.000	43.000			43.000			Sở VH - TT và DL
2	Di tích mộ tập thể 3000 người		1.848			1.848			UBND thị xã Bình Long
	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>3.700</b>	<b>19.100</b>			<b>19.100</b>			
1	Sân lễ hội, hệ thống điện nước thuộc khu bảo tồn VHDT Stiêng - Sóc BomBo	3.700	3.700			3.700			Sở VH - TT và DL
2	Xây dựng công trình Khu tái định cư thuộc khu bảo tồn VHDT Stiêng, sok Bom Bo		2.000			2.000			Sở VH - TT và DL
3	Đường vành đai khu A thuộc dự án phim trường kết hợp với khu du lịch trang cỏ Bù Lạch		13.400			13.400			Đài PTTH
<b>VIII</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	<b>11.000</b>	<b>11.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.000</b>			
	<b>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000</b>			

1	Trụ Sở làm việc Đảng ủy khối DN tỉnh	4.000	4.000			4000			Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh
	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.000</b>			
1	Trụ sở Trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	5.000	5.000			5000			Trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư
2	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	2.000	2.000			2000			Trung tâm phát triển quỹ đất
<b>IX</b>	<b>QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>	<b>10.000</b>	<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>			
	<b>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
1	Trụ sở Đội PCCC khu vực huyện Chợ Thành	5.000	5.000	5000					Công an tỉnh
	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>5.000</b>	<b>7.000</b>	<b>5000</b>	<b>0</b>	<b>2000</b>			
1	Nhà làm việc khu căn cứ hậu cần kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh					2000			Bộ CHQS tỉnh
2	Doanh trại đội K72 ( giai đoạn 2)	5.000	5.000	5000					Bộ CHQS tỉnh
<b>X</b>	<b>THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN</b>	<b>10.000</b>	<b>14.000</b>			<b>14.000</b>			Giao KBNN tỉnh căn cứ hồ sơ công trình đã được Sở Tài chính quyết toán để giải ngân theo đề nghị của Chủ đầu tư
<b>XI</b>	<b>HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU TỪ NSTW</b>	<b>350.300</b>	<b>417.340</b>					<b>417.340</b>	Có biểu chi tiết kèm theo
<b>XII</b>	<b>THU TỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (GHI THU GHI CHI)</b>		<b>99.000</b>			<b>99.000</b>			
<b>XIII</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI</b>	<b>18.000</b>	<b>18.000</b>					<b>18.000</b>	
<b>B</b>	<b>VỐN PHÂN CẤP HUYỆN - THỊ</b>	<b>266.500</b>	<b>389.720</b>	<b>149.500</b>	<b>240.220</b>				
<b>I</b>	<b>THỊ XÃ ĐỒNG XỎAI</b>	<b>40.100</b>	<b>46.100</b>	<b>16.100</b>	<b>30.000</b>				
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.100	16.100	16.100					
2	Tiền sử dụng đất	24.000	30.000		30.000				
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500					
	- Khoa học, công nghệ			500					
<b>II</b>	<b>THỊ XÃ BÌNH LONG</b>	<b>24.640</b>	<b>26.440</b>	<b>15.640</b>	<b>10.800</b>				
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.640	15.640	15.640					
2	Tiền sử dụng đất	9.000	10.800		10.800				
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500					
	- Khoa học, công nghệ			500					

<b>III</b>	<b><u>THI XÃ PHƯỚC LONG</u></b>	<b>25.800</b>	<b>137.800</b>	<b>13.800</b>	<b>124.000</b>					
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	13.800	13.800	13.800						
2	Tiền sử dụng đất	12.000	124.000		124.000					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu									
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500						
	- Khoa học, công nghệ			500						
<b>IV</b>	<b><u>HUYỆN ĐÔNG PHÚ</u></b>	<b>28.100</b>	<b>28.100</b>	<b>16.100</b>	<b>12.000</b>					
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.100	16.100	16.100						
2	Tiền sử dụng đất	12.000	12.000		12.000					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu									
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500						
	- Khoa học, công nghệ			500						
<b>V</b>	<b><u>HUYỆN BÙ ĐĂNG</u></b>	<b>26.020</b>	<b>27.220</b>	<b>17.020</b>	<b>10.200</b>					
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.020	17.020	17.020						
2	Tiền sử dụng đất	9.000	10.200		10.200					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu									
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500						
	- Khoa học, công nghệ			500						
<b>VI</b>	<b><u>HUYỆN BÙ GIA MẬP</u></b>	<b>27.425</b>	<b>24.695</b>	<b>17.825</b>	<b>6.870</b>					
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.825	17.825	17.825						
2	Tiền sử dụng đất	9.600	6.870		6.870					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu									
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500						
	- Khoa học, công nghệ			500						
<b>VII</b>	<b><u>HUYỆN CHƠN THÀNH</u></b>	<b>24.650</b>	<b>24.650</b>	<b>12.650</b>	<b>12.000</b>					
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	12.650	12.650	12.650						
2	Tiền sử dụng đất	12.000	12.000		12.000					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu									
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500						
	- Khoa học, công nghệ			500						
<b>VIII</b>	<b><u>HUYỆN HÓN QUẢN</u></b>	<b>19.505</b>	<b>19.505</b>	<b>12.305</b>	<b>7.200</b>					
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	12.305	12.305	12.305						
2	Tiền sử dụng đất	7.200	7.200		7.200					
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu									
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500						

	- Khoa học , công nghệ			500					
<b>IX</b>	<b>HUYỆN LỘC NINH</b>	<b>32.785</b>	<b>32.785</b>	<b>15.985</b>	<b>16.800</b>				
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.985	15.985	15.985					
2	Tiền sử dụng đất	16.800	16.800		16.800				
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500					
	- Khoa học , công nghệ			500					
<b>X</b>	<b>HUYỆN BÙ ĐÓP</b>	<b>17.475</b>	<b>18.075</b>	<b>12.075</b>	<b>6.000</b>				
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	12.075	12.075	12.075					
2	Tiền sử dụng đất	5.400	6.000		6.000				
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu								
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500					
	- Khoa học , công nghệ			500					
<b>XI</b>	<b>HUYỆN PHÚ RIỀNG</b>		<b>4.350</b>		<b>4.350</b>				
1	Tiền sử dụng đất		4.350		4.350				



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		KẾ HOẠCH NĂM 2015	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>		<b>2.769.358</b>	<b>2.161.938</b>	<b>960.175</b>	<b>715.175</b>	<b>417.340</b>	
<b>A</b>	<b>Nguồn giao đầu năm</b>		<b>2.573.758</b>	<b>1.979.710</b>	<b>853.946</b>	<b>613.946</b>	<b>350.300</b>	
<b>I</b>	<b>Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng</b>		<b>738.631</b>	<b>507.552</b>	<b>328.900</b>	<b>198.900</b>	<b>129.400</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015</b>		<b>200.990</b>	<b>156.652</b>	<b>165.000</b>	<b>125.000</b>	<b>20.000</b>	
	Đường ĐT 741 từ Phước Long đi Bù Gia Mập	703/QĐ-UBND ngày 24/3/2009, 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2012	200.990	156.652	165.000	125.000	20.000	S& GT-VT
<b>2</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>537.641</b>	<b>350.900</b>	<b>163.900</b>	<b>73.900</b>	<b>109.400</b>	
2,1	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	1840/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	363.657	253.000	66.000	46.000	67.400	S& GT-VT

2,2	Đường liên xã từ Ngã ba Cây Diệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ, cứu hộ, cứu nạn các xã phía đông huyện Đồng Phú	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 2351/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	173.984	97.900	97.900	27.900	42.000	Sở GT-VT
<b>II</b>	<b>Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg (Chương trình 134 kéo dài)</b>			<b>5.000</b>			<b>5.000</b>	
1	Thị xã Đồng Xoài						500	UBND Thị xã Đồng Xoài
2	Thị xã Phước Long						500	UBND Thị xã Phước Long
3	Thị xã Bình Long						500	UBND Thị xã Bình Long
4	Huyện Bù Đăng						500	UBND Huyện Bù Đăng
5	Huyện Đồng Phú						500	UBND Huyện Đồng Phú
6	Huyện Chơn Thành						500	UBND Huyện Chơn Thành
7	Huyện Hớn Quản						500	UBND Huyện Hớn Quản
8	Huyện Lộc Ninh						500	UBND Huyện Lộc Ninh
9	Huyện Bù Đốp						500	UBND Huyện Bù Đốp
10	Huyện Bù Gia Mập						500	UBND Huyện Bù Gia Mập
<b>III</b>	<b>Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Cam puchia</b>			<b>7.500</b>			<b>7.500</b>	
1	Huyện Lộc Ninh						3.500	

2	Huyện Bù Đốp						3.000	Đầu tư cho 15 xã biên giới theo định mức 500 triệu đồng/xã
3	Huyện Bù Gia Mập						1.000	
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư các tỉnh huyện mới chia tách</b>		<b>311.440</b>	<b>276.500</b>	<b>124.682</b>	<b>124.682</b>	<b>60.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015</b>		<b>161.500</b>	<b>161.500</b>	<b>124.682</b>	<b>124.682</b>	<b>36.300</b>	
1,1	Trụ sở làm việc huyện ủy Hớn Quản	503/QĐ-UBND ngày 02/3/2011	47.000	47.000	33.000	33.000	14.000	UBND huyện Hớn Quản
1,2	Trụ sở làm việc UBND huyện Hớn Quản	502/QĐ-UBND ngày 02/3/2011	47.500	47.500	33.000	33.000	14.500	UBND huyện Hớn Quản
1,3	Trụ sở làm việc UBND huyện Bù Gia Mập	2194/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	41.100	41.100	36.682	36.682	4.300	UBND huyện Bù Gia Mập
1,4	Hội trường UBND huyện Bù Gia Mập	2194/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	25.900	25.900	22.000	22.000	3.500	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>2</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2015</b>		<b>149.940</b>	<b>115.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>23.700</b>	
2,1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn quản	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	50.000			9.600	UBND huyện Hớn Quản
2,2	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riêng đi xã Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	25.000			4.600	UBND huyện Bù Gia Mập
2,3	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	40.000			9.500	UBND huyện Bù Đốp
<b>V</b>	<b>Các dự án cấp bách khác của địa phương</b>		<b>311.446</b>	<b>235.362</b>	<b>229.636</b>	<b>119.636</b>	<b>30.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>311.446</b>	<b>235.362</b>	<b>229.636</b>	<b>119.636</b>	<b>30.000</b>	
1,1	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đăng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010	137.462	137.462	131.736	91.736	10.000	Sở NN&PTNT

1,2	Đường liên xã từ Ngã ba Cây Diệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ, cứu hộ, cứu nạn các xã phía đông huyện Đồng Phú	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 2351/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	173.984	97.900	97.900	27.900	20.000	Sở GT-VT
<b>VI</b>	<b>Hỗ trợ hạ tầng du lịch</b>		<b>68.853</b>	<b>55.082</b>	<b>20.524</b>	<b>20.524</b>	<b>8.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>68.853</b>	<b>55.082</b>	<b>20.524</b>	<b>20.524</b>	<b>8.000</b>	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc KDL và bảo tồn văn hóa dân tộc Stieng-Sóc Bom Bo	2003/QĐ-UBND 5/9/2011	68.853	55.082	20.524	20.524	8.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
<b>VII</b>	<b>Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản</b>		<b>43.972</b>	<b>35.600</b>	<b>18.404</b>	<b>18.404</b>	<b>7.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>43.972</b>	<b>35.600</b>	<b>18.404</b>	<b>18.404</b>	<b>7.000</b>	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	2358/QĐ-UBND ngày 12/10/2010	43.972	35.600	18.404	18.404	7.000	Sở NN&PTNT
<b>VIII</b>	<b>Chương trình di dân định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số</b>		<b>82.612</b>	<b>82.612</b>	<b>35.100</b>	<b>35.100</b>	<b>25.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>82.612</b>	<b>82.612</b>	<b>35.100</b>	<b>35.100</b>	<b>25.000</b>	
1,1	Dự án Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú	921/QĐ-UBND ngày 13/04/2011	11.782	11.782	10.538	10.538	1.100	UBND huyện Đồng Phú
1,2	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 5/10/2011	11.834	11.834	2.000	2.000	8.200	UBND huyện Lộc Ninh



1,3	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	2200/QĐ-UBND ngày 05/10/2011	12.408	12.408	2.000	2.000	8.200	UBND huyện Lộc Ninh
1,4	Dự án di dân thực hiện ĐCĐC tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn 8 xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 05/01/2010	13.228	13.228	8.697	8.697	3.700	UBND huyện Bù Đăng
1,5	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã ĐaK O, huyện Bù Gia Mập	638/QĐ-UBND ngày 25/03/2011	33.360	33.360	11.865	11.865	3.800	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>IX</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu</b>		<b>145.033</b>	<b>51.000</b>	<b>21.200</b>	<b>21.200</b>	<b>8.800</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>145.033</b>	<b>51.000</b>	<b>21.200</b>	<b>21.200</b>	<b>8.800</b>	
1	Đường và kênh thoát nước tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017	2158a/QĐ-UBND ngày 24/10/2012, 2678/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	145.033	51.000	21.200	21.200	8.800	Ban QL khu kinh tế
<b>X</b>	<b>Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới</b>		<b>82.972</b>	<b>67.260</b>	<b>31.000</b>	<b>31.000</b>	<b>25.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>52.444</b>	<b>40.260</b>	<b>31.000</b>	<b>31.000</b>	<b>9.000</b>	
1	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện-Tà Nốt) Đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu vào đồn biên phòng 803	1778/QĐ-UBND ngày 28/7/2011	52.444	40.260	31.000	31.000	9.000	Bộ CH bộ đội biên phòng
<b>2</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2015</b>		<b>30.528</b>	<b>27.000</b>			<b>16.000</b>	
1	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư và Lộc Thiện-Tà Nốt) Đoạn 2 tuyến Lộc Thiện-Tà Nốt	2338/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	30.528	27.000			16.000	Bộ CH bộ đội biên phòng
<b>XI</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện</b>		<b>52.740</b>	<b>25.590</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>14.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>37.047</b>	<b>16.090</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	
1,1	Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh	278/QĐ-UBND ngày 21/2/2013	7.200	2.900	2.000	2.000	900	Trung tâm phòng chống sốt rét

1,2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập	673/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	8.237	3.690	2.000	2.000	1.600	UBND huyện Bù Gia Mập
1,3	Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	639/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	11.656	5.100	2.000	2.000	3.100	UBND huyện Hớn Quản
1,4	Trung tâm y tế thị xã Đồng Xoài	638/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	9.954	4.400	2.000	2.000	2.400	UBND thị xã Đồng Xoài
<b>2</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2015</b>		<b>15.693</b>	<b>9.500</b>			<b>6.000</b>	
1	Mua sắm trang thiết bị bệnh viện đa khoa huyện Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	15.693	9.500			6.000	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>XII</b>	<b>Hỗ trợ trung tâm giáo dục, lao động xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí</b>		<b>5.568</b>	<b>1.670</b>			<b>1.600</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2015</b>		<b>5.568</b>	<b>1.670</b>			<b>1.600</b>	
1	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh, giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước	2033/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	5.568	1.670			1.600	Sở LĐTBXH
<b>XIII</b>	<b>Chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013</b>		<b>676.725</b>	<b>575.216</b>			<b>15.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2015</b>		<b>676.725</b>	<b>575.216</b>			<b>15.000</b>	
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216			15.000	Sở Công thương
<b>XIV</b>	<b>Phát triển và bảo vệ rừng bền vững</b>		<b>53.766</b>	<b>53.766</b>	<b>36.500</b>	<b>36.500</b>	<b>14.000</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>		<b>53.766</b>	<b>53.766</b>	<b>36.500</b>	<b>36.500</b>	<b>14.000</b>	
1	Hỗ trợ Vườn QG Bù Gia Mập (hỗ trợ XD nhà kiểm lâm, trạm bảo vệ rừng, đường tuần tra ...)	313/QĐ-UBND ngày 28/6/2012, 1565/QĐ-UBND ngày 3/8/2012, 1590/QĐ-UBND ngày 8/8/2012	53.766	53.766	36.500	36.500	14.000	Vườn QG Bù Gia Mập

<b>B</b>	<b>Nguồn bổ sung</b>		<b>195.600</b>	<b>182.228</b>	<b>106.229</b>	<b>101.229</b>	<b>67.040</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn kết dư năm 2014</b>		<b>195.600</b>	<b>182.228</b>	<b>106.229</b>	<b>101.229</b>	<b>7.040</b>	
<b>1</b>	<b>Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng</b>		<b>22.997</b>	<b>17.997</b>	<b>23.000</b>	<b>18.000</b>	<b>251</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>		<b>22.997</b>	<b>17.997</b>	<b>23.000</b>	<b>18.000</b>	<b>251</b>	
	Phát triển truyền thanh cơ sở các huyện miền núi, biên giới tỉnh Bình Phước	1984/QĐ-UBND ngày 29/8/2011	22.997	17.997	23.000	18.000	251	Đài PTTH
<b>2</b>	<b>Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới VN-CPC (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)</b>		<b>9.392</b>	<b>9.392</b>	<b>7.500</b>	<b>7.500</b>	<b>525</b>	
2.1	Huyện Lộc Ninh				3.500	3.500	229	Bổ trí các công trình chuyển tiếp thuộc Chương trình
2.2	Huyện Bù Đốp				3.000	3.000	231	
2.3	Huyện Bù Gia Mập				1.000	1.000	64	
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư huyện mới chia tách</b>		<b>28.000</b>	<b>28.000</b>	<b>26.717</b>	<b>26.717</b>	<b>1.283</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>		<b>28.000</b>	<b>28.000</b>	<b>26.717</b>	<b>26.717</b>	<b>1.283</b>	
	Trụ sở huyện ủy Bù Gia Mập	2194/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	28.000	28.000	26.717	26.717	1.283	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>4</b>	<b>Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản</b>		<b>43.972</b>	<b>35.600</b>	<b>16.879</b>	<b>16.879</b>	<b>455</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>		<b>43.972</b>	<b>35.600</b>	<b>16.879</b>	<b>16.879</b>	<b>455</b>	
	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	2358/QĐ-UBND ngày 12/10/2010	43.972	35.600	16.879	16.879	455	Sở NN&PTNT
<b>5</b>	<b>Chương trình di dân ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số (theo QĐ số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007)</b>		<b>46.588</b>	<b>46.588</b>	<b>19.553</b>	<b>19.553</b>	<b>1.009</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>		<b>46.588</b>	<b>46.588</b>	<b>19.553</b>	<b>19.553</b>	<b>1.009</b>	
	Dự án di dân thực hiện ĐCĐC tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn 8 xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 05/01/2010	13.228	13.228	8.439	8.439	258	UBND huyện Bù Đăng

	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã ĐaK O, huyện Bù Gia Mập	638/QĐ-UBND ngày 25/03/2011	33.360	33.360	11.114	11.114	751	UBND huyện Bù Gia Mập
6	Chương trình bảo vệ & phát triển rừng bền vững		44.651	44.651	12.580	12.580	2	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>		44.651	44.651	12.580	12.580	2	
	Tiểu dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng tại vườn QG Bù Gia Mập	2173/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	44.651	44.651	12.580	12.580	2	Vườn QG Bù Gia Mập
7	Khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ đông xuân năm 2013-2014 ( đợt 2)						226	
	Nâng cao mực nước hồ Nông trường 6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ xã Long Hà huyện Bù Gia Mập						226	Sở NN&PTNT
8	Nguồn vốn kết dư từ năm 2013						3.289	Tiếp tục bố trí cho các Chương trình chuyển tiếp
II	Nguồn dự phòng		137.462	137.462	131.736	91.736	30.000	
1	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đăng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010	137.462	137.462	131.736	91.736	30.000	Sở NN&PTNT
III	Dự án ổn định dân di cư tự do cấp bách		0	0	0	0	15.000	
1	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn thôn 8 xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng						4.000	UBND huyện Bù Đăng
2	Tiểu dự án TĐC khu Đa Bông Cua, thuộc dự án đầu tư bố trí hợp lý dân cư ở VQG Cát Tiên						6.000	Sở NN&PTNT





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2015	Chủ đầu tư
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>109.584</b>	
<b>I</b>	<b>Thủy Lợi</b>	<b>51.584</b>	
	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2015	20.000	
1	Cụm công trình tưới, cấp nước khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	20.000	Sở NN&PTNT
	Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2015	31.584	
.1	Công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn	31.584	Sở NN&PTNT
<b>II</b>	<b>Đối ứng dự án ODA</b>	<b>5.000</b>	
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm	3.153	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm	1.847	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
<b>III</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>53.000</b>	Có biểu chi tiết kèm theo



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên Chương trình mục tiêu Quốc gia	Quyết định đầu tư		KH vốn đến hết năm 2014	Kế hoạch năm 2015			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số QĐ	TMBĐT		Tổng vốn	Vốn ĐTPT	Vốn SN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CỘNG:</b>				<b>93.813</b>	<b>41.300</b>	<b>52.513</b>		
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và dạy nghề</b>				<b>11.060</b>	<b>-</b>	<b>11.060</b>		
1	Đổi mới và phát triển dạy nghề				1.500	-	1.500		
	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị nghề điện dân dụng, điện tử dân dụng, công nghệ sản xuất sản phẩm từ cao su cho trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng	966/QĐ-UBND; 07/6/2013	33.275	11.575	1.500		1.500	Trường TCN Tôn Đức Thắng	Sự nghiệp mang tính ĐT
2	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn				8.710	-	8.710		
2.1	Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề				5.010		5.010		
	- Phi nông nghiệp				3.510		3.510	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
	- Nông nghiệp				1.500		1.500	Sở Nông nghiệp và PTNT	
2.1	Hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật				1.200		1.200	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
2.2	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã				500		500	Sở Nội vụ	
2.3	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề				2.000	-	2.000	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
	- Mua sắm trang thiết bị Trung tâm dạy nghề huyện Đồng Phú				2.000		2.000		



3	Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng				350		350	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
4	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động				320		320	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
5	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá chương trình				180		180	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
<b>II</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</u></b>				<b>35.413</b>	<b>25.600</b>	<b>9.813</b>		
1	Chương trình 135, bao gồm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn				34.663	25.600	9.063		Bảng chi tiết kèm theo
2	Nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình				250		250	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
3	Nhân rộng mô hình giảm nghèo				500		500	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
<b>III</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn</u></b>				<b>11.560</b>	<b>10.700</b>	<b>860</b>		Bảng chi tiết kèm theo
<b>IV</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế</u></b>				<b>3.794</b>	<b>0</b>	<b>3.794</b>	Sở Y tế	
1	Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng (bệnh phong, bệnh lao, bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, bệnh ung thư, bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em, bệnh phổi tắc nghẽn và mạn tính)				2.327		2.327		
2	Chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em				729		729		
3	Tiêm chủng mở rộng				444		444		
4	Quản dân y kết hợp				20		20		
5	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình				274		274		



<b>V</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu Quốc gia Dân số - kế hoạch hoá gia đình</u></b>				<b>3.959</b>	<b>0</b>	<b>3.959</b>	Sở Y tế	
1	Bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình				3.107		3.107		
2	Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh				163		163		
3	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình				689		689		
<b>VI</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu Quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm</u></b>				<b>624</b>	<b>-</b>	<b>624</b>		
1	Nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm				134		134	Sở Y tế	
2	Thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm				160		160	Sở Y tế	
3	Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.				70		70	Sở Y tế	
4	Phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm				176		176	Sở Y tế	
5	Dự án bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản				84		84	Sở Nông nghiệp & PTNT	
<b>VII</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS</u></b>				<b>564</b>	<b>-</b>	<b>564</b>	Sở Y tế	
1	Thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS				293		293		
2	Giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV				164		164		
3	Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con				107		107		
<b>VIII</b>	<b><u>Chương trình mục tiêu Quốc gia Giáo dục và Đào tạo</u></b>				<b>15.830</b>	<b>2.400</b>	<b>13.430</b>		



1	<b>Dự án hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xoá mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học</b>				7.000	0	7.000	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	<i>-Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi</i>				4.500		4.500		
	<i>-Hỗ trợ XMC; chống tái mù; phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi</i>				2.500		2.500		
2	<b>Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân</b>				1.600	0	1.600	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	<i>-Bồi dưỡng giáo viên cốt cán trong nước</i>				700		700		
	<i>- Xây dựng mô hình trường điển hình</i>				900		900		
3	<b>Dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm</b>				7.100	2.400	4.700		
	<i>- Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập</i>	2133/QĐ-UBND; 19/10/2012	53.795	17.004	2.400	2.400		Sở Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp mang tính ĐT
	<i>- Thanh toán khối lượng các công trình quyết toán sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu giáo dục và Đào tạo</i>				700		700	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sự nghiệp mang tính ĐT. - KBNN tỉnh căn cứ hồ sơ công trình đã được Sở Tài chính quyết toán để giải ngân theo đề nghị của chủ đầu tư
	<i>- Xây dựng nhà ăn và bếp nấu ăn cho trường phổ thông dân tộc nội trú - THCS thị xã Bình Long</i>		4.000		4.000		4.000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp mang tính ĐT

4	Dự án Nâng cao năng lực cán bộ quản lý chương trình và giám sát đánh giá thực hiện chương trình				130		130	Sở Giáo dục và Đào tạo	
<b>IX</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia Văn hoá</b>				<b>3.149</b>	<b>1.000</b>	<b>2.149</b>		
1	Dự án chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích				2.150	1.000	1.150		
	- Tu bổ, tôn tạo di tích mộ tập thể 3000 người tại thị xã Bình Long	1200/QĐ-UBND;11/6/2012	35.973	8.600	1.450	1.000	450	UBND TX Bình Long	
	- Tu bổ, tôn tạo di tích Trụ sở Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN				700		700	Sở Văn hóa, thể thao và DL	Sự nghiệp mang tính ĐT
2	Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.				949	0	949	Sở Văn hóa, thể thao và DL	
	- Cấp sách cho thư viện huyện				400		400		
	- Trang thiết bị cho đội thông tin lưu động các huyện, xã khó khăn, nhà văn hóa vùng dân tộc trọng điểm và hoạt động văn hoá các Đồn Biên phòng.				549		549		
3	Tăng cường năng lực cán bộ văn hóa cơ sở, truyền thống và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình				50		50	Sở Văn hóa, thể thao và DL	
<b>X</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống ma túy</b>				<b>1.330</b>	<b>0</b>	<b>1.330</b>		
1	Xây dựng xã, phường, thị trấn không tệ nạn ma túy				580		580	Công an tỉnh	
2	Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi chức năng cho người cai nghiện ma túy				700		700	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
3	Thông tin tuyên truyền phòng, chống ma túy và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình				50		50	Công an tỉnh	

BÌNH GIANG

<b>XI</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới</b>				<b>4.500</b>		<b>4.500</b>		Bảng chi tiết kèm theo
<b>XII</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống Tội phạm</b>				<b>230</b>		<b>230</b>	Công an tỉnh	
	Dự án tăng cường công tác giáo dục, truyền thông và giám, đánh giá thực hiện chương trình				230		230		
<b>XIII</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo</b>				<b>1.800</b>	<b>1.600</b>	<b>200</b>	Sở Thông tin và truyền thông	
1	Tăng cường cơ sở vật cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo				1600	1600			
2	Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo				200		200		



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾ HOẠCH BỔ SUNG VỐN KINH PHÍ KHÁC PHỤC HẠN HẠN VÀ XÂM NHẬP MẶN VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2014 - 2015, TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến tháng 5/2015	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2015	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng đầu tư	TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN			
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>52.995</b>	<b>42.118</b>	<b>26.730</b>	<b>11.000</b>	
<b>I Các công trình chuyển tiếp</b>			<b>52.995</b>	<b>42.118</b>	<b>26.730</b>	<b>9.900</b>	
1	Cấp nước SHTT xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	2650/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	14.357	10.606	7.944	1.376	Xã nông thôn mới
2	Cấp nước SHTT thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	2279/QĐ-UBND ngày 27/11/2013	13.009	9.045	5.617	2.300	
3	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước SHTT xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập	1521/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	5.770	5.770	4.423	1.180	
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh thuộc HTTL An Khương, huyện Hớn Quản	992/QĐ-SKHĐT ngày 20/8/2014	2.554	2.554	2.388	110	
5	Kênh tưới giai đoạn II hồ Ba Veng xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2325/QĐ-UBND ngày 24/11/2014	3.265	3.265	2.598	195	
6	Nâng cao mực nước hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ, xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập.	1160/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	2.154	2.154	460	1.344	
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp		11.886	8.724	3.300	3.395	Đổi ứng Xã nông thôn mới
<b>II Các công trình sửa chữa nhỏ</b>			-	-	-	<b>1.100</b>	
1	Sửa chữa hư hỏng do mưa lũ gây ra tại công trình hồ NT4, xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập		-	-	-	300	
2	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Đồng Xoài		-	-	-	200	
3	Đắp đập tạm suối Ba Veng xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản		-	-	-	300	
4	Nạo vét lòng hồ và cống xả đáy công trình thủy lợi Bù Môn, huyện Bù Đăng		-	-	-	300	

**Ghi chú:** Đối với các hạng mục chuyển tiếp: Các hạng mục công trình được giao kế hoạch vốn đã được Sở NN&PTNT trừ các khoản dự phòng phí và chi phí khác không thực hiện. Việc phát sinh để gây rầy ra nợ đọng XDCB, Sở NN&PTNT chịu trách nhiệm. Đối với các hạng mục sửa chữa nhỏ: Sở NN&PTNT căn cứ vào số vốn được giao tại Quyết định này để triển khai lập dự toán - tổng mức dự toán cho từng công trình đảm bảo không vượt kế hoạch được giao.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2015  
NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH NĂM 2015	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>			<b>53.000</b>	
<b>I</b>	<b>Thị xã Đồng Xoài</b>			<b>2.850</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Tân Thành (xã điểm)</b>		-	<b>1.250</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.250</b>	
1.4	XD trường THCS Tân Thành			1.250	UBND Xã Tân Thành
<b>2</b>	<b>Xã Tiến Hưng (xã điểm)</b>			<b>1.600</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>400</b>	
2.1	Trường trung học cơ sở Tiến Hưng	Số 3274/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	12.997	400	UBND xã Tiến Hưng
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.200</b>	
2.2	XD giao thông liên thôn ấp 1			1.200	UBND xã Tiến Hưng
<b>II</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>			<b>5.620</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Tân Phước (xã điểm)</b>		-	<b>1.250</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.250</b>	
1.1	Xây dựng công, hàng rào, sân bê tông, nhà bảo vệ trường Tiểu học Tân Phước A			1.250	UBND xã Tân Phước
<b>2</b>	<b>Xã Thuận Phú (xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>150</b>	
2.1	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ Châu Châu đến Lê Hoàng Anh - Nguyễn Văn Côi ấp Thuận Phú 2	QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	1.014	150	UBND xã Thuận Phú
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.100</b>	
2.2	Xây dựng tuyến đường từ Bung C qua ông Ngoan-Vương Thị Lân ấp Tân Phú	QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	2.257	1.100	UBND xã Thuận Phú
<b>3</b>	<b>Xã Đồng Tâm</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>550</b>	
3.1	Láng nhựa đường GTNT từ trường tiểu học ĐCĐC đi ngã ba Quân đoàn 4, ấp 1	QĐ số 1150/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	2.927	550	UBND Xã Đồng Tâm
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.010</b>	
3.2	Đoạn nối tiếp đường GTNT từ trường tiểu học ĐCĐC đi ngã 3 Quân đoàn 4, ấp 1			1.010	UBND Xã Đồng Tâm
<b>4</b>	<b>Xã Tân Lợi</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>1.200</b>	
4.1	Trường tiểu học Tân Lợi - hạng mục Khối hiệu bộ	QĐ số 28/QĐ-UBND ngày 18/4/2013	2.999	1.200	UBND Xã Tân Lợi

	<b>Công trình khởi công mới</b>			-	360	
4.2	Trường THCS Tân Lợi - hạng mục Khởi hiệu bộ				360	UBND Xã Tân Lợi
	<b>III Thị xã Bình Long</b>				2.500	
1	<b>Xã Thanh Lương(xã điểm)</b>				1.250	
	<b>Công trình khởi công mới</b>				1.250	
1.1	Láng nhựa đường từ quốc lộ 13 đi Công cây sao xã Thanh Lương	1701/QĐ-UBND ngày 22/10/2013		3.825	1.250	UBND Xã Thanh Lương
2	<b>Xã Thanh Phú (xã điểm)</b>			-	1.250	
	<b>Công trình khởi công mới</b>				1.250	
2.1	XD 03 phòng trệt, 03 phòng lầu trường mầm non Thanh Phú				1.250	UBND Xã Thanh Phú
	<b>IV Thị xã Phước Long</b>				2.030	
1	<b>Xã Phước Tín(xã điểm)</b>			-	780	
	<b>Công trình khởi công mới</b>				780	
1.1	Đường GTNT từ thôn Bàu Nghé hướng xuống hồ Thác Mơ (đoạn nhà bà Nhân đến ngã 3 ông Hải)				630	UBND xã Phước Tín
1.2	Đường GTNT từ trường cấp 2 cũ ra trường mẫu giáo Phước Quả				100	UBND xã Phước Tín
1.3	Nhà văn hóa thôn Phước Thiện				50	UBND xã Phước Tín
2	<b>Xã Long Giang(xã điểm)</b>				1.250	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>				850	
2.1	Trường mẫu giáo Hương Sen	Số 69b/QĐ-UBND ngày 25/7/2012		2.998	350	UBND Xã Long Giang
2.2	Xây dựng nhà làm việc Công an - xã đội	Số 167/QĐ-UBND ngày 21/10/2013		2.722	500	UBND Xã Long Giang
	<b>Công trình khởi công mới</b>				400	
2.3	Xây dựng đường giao thông nông thôn Nhơn Hòa 2 đi thôn 7 xã Long Giang dài 1184m				400	UBND Xã Long Giang
	<b>V Huyện Bù Gia Mập</b>				4.370	
1	<b>Xã Phú Nghĩa(xã điểm)</b>				1.250	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>				700	
1.1	Láng nhựa đường GTNT thôn Phú Nghĩa				700	UBND xã Phú Nghĩa
	<b>Công trình khởi công mới</b>				550	
1.2	Láng nhựa đường GTNT tổ 3 thôn Tân Lập đi tiểu khu 119 xã Phú Nghĩa				550	UBND xã Phú Nghĩa
2	<b>Xã Bù Gia Mập(xã điểm)</b>				1.560	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>				800	
2.1	Xây dựng đường từ thôn Bù Rên đi thôn Đăk Á xã Bù Gia Mập	QĐ số 3111/QĐ-UBND ngày 23/10/2013		5.600	800	UBND xã Bù Gia Mập
	<b>Công trình khởi công mới</b>				760	
2.2	Láng nhựa đường GTNT thôn Đăk Á xã Bù Gia Mập				760	UBND xã Bù Gia Mập
3	<b>Xã Đăk Ô</b>				1.560	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>				100	
3.1	Láng nhựa tuyến đường từ ĐT 741 vào nhà văn hóa thôn Đăk U và tuyến từ ngã 3 ông Sung vào nhà văn hóa thôn 4	QĐ số 111/QĐ-UBND ngày 10/6/2014		2.292	100	UBND Xã Đăk Ô
	<b>Công trình khởi công mới</b>				1.460	

3.2	Láng nhựa đường GTNT thôn 3 và Láng nhựa đường GTNT từ ĐT741 vào thôn 7	QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 27/2/2015	2.559	1.460	UBND Xã Đak Ô
<b>VI</b>	<b>Huyện Chơn Thành</b>			<b>2.860</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Minh Thành(xã điểm)</b>		-	<b>1.610</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.610</b>	
1.1	Xây dựng hội trường xã Minh thành			1.010	UBND Xã Minh Thành
1.2	San lấp, sân bê tông, nhà để xe học sinh và bồn hoa, thảm cỏ trường THCS Minh Thành			400	UBND Xã Minh Thành
1.3	Hàng rào, hệ thống thoát nước mưa ngoài hàng rào, nhà xe giáo viên, nhà vệ sinh trường THCS Minh Thành			200	UBND Xã Minh Thành
<b>2</b>	<b>Xã Minh Hưng(xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>180</b>	
2.1	Đường GT tổ 5, tổ 6 ấp 3A	QĐ số 344/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	1.790	180	UBND Xã Minh Hưng
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.070</b>	
2.2	Đường GT tổ 7 ấp 3A			560	UBND Xã Minh Hưng
2.3	Đường GT tổ 3 ấp 3B			510	UBND Xã Minh Hưng
<b>VII</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>			<b>5.620</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Minh Hưng (xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.250</b>	
1.1	Đường thôn 5-xã Minh Hưng	Số 1836/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	4.913	1.250	UBND Xã Minh Hưng
<b>2</b>	<b>Xã Đức Liễu (xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>340</b>	
2.1	Trường Mầm Non xã Đức Liễu	QĐ số 3245/QĐ-UBND ngày 25/11/2011; 1980/QĐ-UBND ngày 12/11/2013	3.456	340	UBND Xã Đức Liễu
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>910</b>	
2.2	Xây dựng đường vào bãi rác xã Đức Liễu	QĐ số 264b/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	370	260	UBND Xã Đức Liễu
2.3	Khối hiệu bộ - Trường Nguyễn Trường Tộ			650	UBND Xã Đức Liễu
<b>3</b>	<b>Xã Đường 10</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>500</b>	
3.1	Láng nhựa đường GTNT từ ngã ba cây xăng chung chiều đi thôn 5	QĐ số 79/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	2.995	500	UBND Xã Đường 10
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.060</b>	
3.2	Láng nhựa đường ngã 3 bảy Liếm thôn 2 đi đội 5 thôn 2			1.060	UBND Xã Đường 10
<b>4</b>	<b>Xã ĐakNhaul</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>500</b>	
4.1	Láng nhựa đường GTNT ba ông Lai, thôn Đăng Lang đi ngã ba Công an thôn Đak Nung		2.997	500	UBND xã Đak Nhaul
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.060</b>	
4.2	Láng nhựa đường liên thôn Đak Xuyên, Bù Ghe			1.060	UBND xã Đak Nhaul



<b>VIII</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>			<b>9.360</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Tân Thành(xã điểm)</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
1.1	Xây dựng đường láng nhựa từ ấp Tân Hiệp đi nghĩa trang mới, xã Tân Thành	QĐ số 2253a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	3.437	1.560	UBND Xã Tân Thành
<b>2</b>	<b>Xã Thiện Hưng(xã điểm)</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
2.1	Xây dựng trường mầm non Tuổi Thơ , xã Thiện Hưng	QĐ số 1259/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	5.704	1.560	UBND Xã Thiện Hưng
<b>3</b>	<b>Xã Phước Thiện</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
3.1	XD đường GTNT ấp Tân Hưng, Tân Phước, Tân Trạch, xã Phước Thiện			1.560	UBND Xã Phước Thiện
<b>4</b>	<b>Xã Hưng Phước</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
4.1	XD điểm trường Bù Tam, trường tiểu học xã, Hưng Phước			1.560	UBND Xã Hưng Phước
<b>5</b>	<b>Xã Tân Tiến</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
5.1	XD đường GTNT ấp Tân An, xã Tân Tiến			1.560	UBND Xã Tân Tiến
<b>6</b>	<b>Xã Thanh Hòa</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
6.1	XD đường GTNT ấp 6, xã Thanh Hòa			1.560	UBND Xã Thanh Hòa
<b>IX</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>			<b>2.810</b>	
<b>1</b>	<b>Xã An Khương(xã điểm)</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.560</b>	
1.1	Xây dựng đường nhựa từ ấp 1 đi ĐT 757			1.560	UBND Xã An Khương
<b>2</b>	<b>Xã Thanh Bình(xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.250</b>	
2.1	Xây dựng đường nhựa từ chợ Chà Là đi ấp Sờ Nhi			1.250	UBND Xã Thanh Bình
<b>X</b>	<b>Huyện Lộc Ninh</b>			<b>14.980</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Lộc Hiệp(xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình chuyên tiếp</b>			<b>1.250</b>	
1.1	Đường BT ấp Hiệp Thành xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh(Đoạn từ nhà ông Toàn đến nhà ông Ba Quang )			500	UBND Xã Lộc Hiệp
1.2	Kho lưu trữ văn phòng một cửa xã Lộc Hiệp			300	UBND Xã Lộc Hiệp
1.3	Nhà làm việc khối đoàn thể xã Lộc Hiệp			450	UBND Xã Lộc Hiệp
<b>2</b>	<b>Xã Lộc Hưng (xã điểm)</b>			<b>1.250</b>	
	<b>Công trình chuyên tiếp</b>			<b>180</b>	
2.1	Xây dựng đường bê tông trục chính ấp 3 xã Lộc Hưng	QĐ số 137đ/QĐ-UBND ngày 17/10/2013		180	UBND Xã Lộc Hưng
	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>1.070</b>	
2.2	Láng nhựa đường trục chính ấp 6			1.070	UBND Xã Lộc Hưng
<b>3</b>	<b>Xã Lộc An</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyên tiếp</b>			<b>300</b>	

3.1	Xây dựng đường nhựa ấp 1 đi trường tiểu học ấp 2 xã Lộc An	QĐ số 90a/QĐ-UBND ngày 22/10/2013	2.600	300	UBND xã Lộc An
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.260</b>	
3.2	XD đường GTNT ấp 2, ấp 9			1.260	UBND xã Lộc An
<b>4</b>	<b>Xã Lộc Thạnh</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>250</b>	
4.1	Xây dựng đường giao thông liên ấp Thạnh Cường, Thạnh Trung xã Lộc Thạnh	QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	2.550	250	UBND xã Lộc Thạnh
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.310</b>	
4.2	Xây dựng đường GTNT ấp Thạnh Tân - xã Lộc Thạnh			1.310	UBND xã Lộc Thạnh
<b>5</b>	<b>Xã Lộc Thành</b>		-	<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.560</b>	
5.1	Trụ sở UBND xã - hạng mục Hội trường UBND xã			1.560	UBND Xã Lộc Thành
<b>6</b>	<b>Xã Lộc Thiện</b>		-	<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.560</b>	
6.1	Xây dựng đường GTNT từ cổng chào ấp Măng Cai đến trung tâm ấp Măng Cai- xã Lộc Thiện			1.460	UBND Xã Lộc Thiện
6.2	Xây dựng đường tổ 3 đi tổ 4, ấp 1 xã Lộc thiện			100	UBND Xã Lộc Thiện
<b>7</b>	<b>Xã Lộc Quang</b>			<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>600</b>	
7.1	Đường tổ 1 đi tổ 5 ấp Việt Quang (1,5km)	Số QĐ 126/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	2.999	600	UBND Xã Lộc Quang
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>960</b>	
7.2	Công trình nối dài đường bê tông tổ 1 đi tổ 5 ấp Việt Quang- xã Lộc Quang			960	UBND Xã Lộc Quang
<b>8</b>	<b>Xã Lộc Thịnh</b>		-	<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.560</b>	
8.1	Đường GTNT ấp Hưng Thủy - xã Lộc Thịnh			1.560	UBND Xã Lộc Thịnh
<b>9</b>	<b>Xã Lộc Tấn</b>		-	<b>1.560</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>		-	<b>390</b>	
9.1	Đường bê tông ấp 6B - 5C			390	UBND Xã Lộc Tấn
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.170</b>	
9.2	Đường bê tông ấp 6B - 5C (giai đoạn II)			1.170	UBND Xã Lộc Tấn
<b>10</b>	<b>Xã Lộc Hòa</b>		-	<b>1.560</b>	
	<b>Công trình khởi công mới</b>		-	<b>1.560</b>	
10.1	Xây dựng đường GTNT ấp 8C đi suối Nuy - xã Lộc Hòa			1.560	UBND Xã Lộc Hòa

Ghi chú: UBND các huyện, thị xã thông báo kế hoạch vốn đến từng xã dự án.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG NƯỚC SẠCH & VSMTNT NĂM 2015**

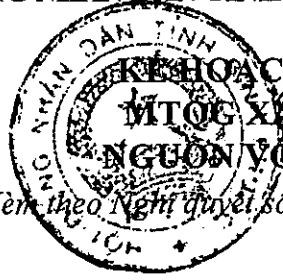
(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục các dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí kế hoạch vốn đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn năm 2015			Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày tháng đầu tư	TMĐT			Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
			Tổng số	Trong đó: vốn NSNN					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>64.654</b>	<b>50.768</b>	<b>22.966</b>	<b>11.560</b>	<b>10.700</b>	<b>860</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn</b>		<b>64.654</b>	<b>50.768</b>	<b>22.966</b>	<b>10.700</b>	<b>10.700</b>	<b>-</b>	
1	Cấp nước SHTT xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	2650/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	13.000	9.450	6.213	500	500	-	Sở NN và PTNT
2	Cấp nước SHTT thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Bù Đốp	130/QĐ-UBND ngày 21/4/2014	13.009	9.550	5.603	500	500		Sở NN và PTNT
3	Cấp nước SHTT xã Thanh Lương- TX. Bình Long	1765/QĐ-UBND ngày 15/8/2014	11.984	8.297	3.200	2.100	2.100		Sở NN và PTNT
4	Cấp nước sinh hoạt ấp Pa Pếch, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	2040/QĐ-UBND ngày 19/9/2014	1.228	1.200	950	278	278	-	Sở NN và PTNT
5	Sửa chữa cấp nước SHTT xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập	1521/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	6.206	6.206	1.350	2.800	2.800		Sở NN và PTNT

6	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp	1520/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	11.870	8.708	1.650	1.322	1.322		Sở NN và PTNT
7	XD công trình cấp nước và vệ sinh tại các điểm trường học trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2014	1666/QĐ-UBND ngày 10/9/2013	5.200	5.200	3.900	1.300	1.300	-	Sở GD - ĐT
8	XD mới và sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước và nhà vệ sinh tại các điểm trường trên địa bàn huyện Hớn Quản	2102/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	2.157	2.157	100	1.900	1.900	-	UBND huyện Hớn Quản
<b>II</b>	<b>Dự án vệ sinh nông thôn</b>		-	-	-	<b>860</b>	-	<b>860</b>	
1	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình năm 2015		-	-	400	860	-	860	Sở Y tế
	<i>Vốn trong nước</i>		-	-	-	360	-	360	
	<i>Vốn ngoài nước</i>		-	-	-	500	-	500	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH  
 MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2015  
 NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Nghị quyết số: 02 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/ 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	KH 2015	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.500</b>		
<b>I</b>	<b>Thị xã Đồng Xoài</b>	<b>210</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Tân Thành (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Tân Thành	
<b>2</b>	<b>Xã Tiên Hưng (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Tiên Hưng	
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>10</b>	Phòng Kinh tế	
<b>II</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>377</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Tân Phước (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Tân Phước	
<b>2</b>	<b>Xã Thuận Phú</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Thuận Phú	
<b>3</b>	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>157</b>		
3.1	Xã Tân Tiến		UBND xã Tân Tiến	
3.2	Xã Đồng Tiến	93	UBND xã Đồng Tiến	
3.3	Xã Tân Lợi	64	UBND xã Tân Lợi	
<b>4</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>20</b>	Phòng NN & PTNT	
<b>III</b>	<b>Thị xã Bình Long</b>	<b>210</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Thanh Lương (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
1.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Thanh Lương	
<b>2</b>	<b>Xã Thanh Phú (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Thanh Phú	
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>10</b>	Phòng Kinh tế	
<b>IV</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>210</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Phước Tín (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Phước Tín	
<b>2</b>	<b>Xã Long Giang (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Long Giang	
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>10</b>	Phòng Kinh tế	
<b>V</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>543</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Phú Nghĩa (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Phú Nghĩa	
<b>2</b>	<b>Xã Bù Gia Mập (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Bù Gia Mập	



<b>3</b>	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>313</b>	
3.1	Xã Bù Nho	44	UBND xã Bù Nho
3.2	Xã Đa Kìa	63	UBND xã Đa Kìa
3.3	Xã Đức Hạnh	9	UBND xã Đức Hạnh
3.4	Xã Long Hà	126	UBND xã Long Hà
3.5	Xã Long Hưng	71	UBND xã Long Hưng
<b>4</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>30</b>	Phòng NN & PTNT
<b>VI</b>	<b>Huyện Chơn Thành</b>	<b>244</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Minh Thành (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Minh Thành
<b>2</b>	<b>Xã Minh Hưng (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Minh Hưng
<b>3</b>	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>24</b>	
3.1	Xã Minh Lập	24	UBND xã Minh Lập
3.2	Xã Minh Long		UBND xã Minh Long
<b>4</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>20</b>	Phòng NN & PTNT
<b>VII</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>703</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Minh Hưng (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Minh Hưng
<b>2</b>	<b>Xã Đức Liễu (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Đức Liễu
<b>3</b>	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>473</b>	
3.1	Xã Bom Bo	71	UBND xã Bom Bo
3.2	Xã Thống Nhất	79	UBND xã Thống Nhất
3.3	Xã Bình Minh	83	UBND xã Bình Minh
3.4	Xã Thọ Sơn	80	UBND xã Thọ Sơn
3.5	Xã Nghĩa Trung	130	UBND xã Nghĩa Trung
3.6	Xã Nghĩa Bình	30	UBND xã Nghĩa Bình
<b>4</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>30</b>	Phòng NN & PTNT
<b>VIII</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>439</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Tân Thành (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Tân Thành
<b>2</b>	<b>Xã Thiện Hưng (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Thiện Hưng
<b>3</b>	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>219</b>	
3.1	Xã Phước Thiện	50	UBND xã Phước Thiện
3.2	Xã Hưng Phước	34	UBND xã Hưng Phước
3.3	Xã Tân Tiến	99	UBND xã Tân Tiến
3.4	Xã Thanh Hòa	36	UBND xã Thanh Hòa
<b>4</b>	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>20</b>	Phòng NN & PTNT
<b>IX</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>629</b>	
<b>1</b>	<b>Xã An Khương (Xã điểm)</b>	<b>100</b>	

1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã An Khương	
2	<b>Xã Thanh Bình (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Thanh Bình	
3	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>399</b>		
3.1	Xã Minh Đức	40	UBND xã Minh Đức	
3.2	Xã Đồng Nơ	35	UBND xã Đồng Nơ	
3.3	Xã Tân Quan	72	UBND xã Tân Quan	
3.4	Xã Thanh An	96	UBND xã Thanh An	
3.5	Xã Tân Hiệp	90	UBND xã Tân Hiệp	
3.6	Xã Tân Lợi	66	UBND xã Tân Lợi	
4	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>30</b>	Phòng NN & PTNT	
<b>X</b>	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>280</b>		
1	<b>Xã Lộc Hiệp (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
1.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Lộc Hiệp	
2	<b>Xã Lộc Hưng (Xã điểm)</b>	<b>100</b>		
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã Lộc Hưng	
3	<b>Lập quy hoạch các xã dự kiến chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020</b>	<b>50</b>		
3.1	Xã Lộc Thuận	10	UBND xã Lộc Thuận	
3.2	Xã Lộc Phú	10	UBND xã Lộc Phú	
3.3	Xã Lộc An	15	UBND xã Lộc An	
3.4	Xã Lộc Thái	15	UBND xã Lộc Thái	
4	<b>Chi phí quản lý Ban chỉ đạo</b>	<b>30</b>	Phòng NN & PTNT	
<b>XI</b>	<b>Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh</b>	<b>655</b>		
1	Đào tạo, tập huấn	455	Văn phòng điều phối BCĐ NTM	
2	Chi phí quản lý Ban chỉ đạo tỉnh	200	Văn phòng điều phối BCĐ NTM	



**Ghi chú:** UBND các huyện, thị xã thông báo kế hoạch vốn đến từng xã.